

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Khánh Long

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lai Kiều A**, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: đường H, khóm M, phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tấn C**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lai Kiều A trình bày:

Vào năm 2020, chị và anh Nguyễn Tấn C được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đến ngày 09/9/2020, chị và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, chị và anh C chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì chị và anh C bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Việc mâu thuẫn giữa chị với anh C thì không ai biết, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và kể từ tháng 9/2021 chị và anh C sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị và anh C có 01 người con chung tên: Nguyễn Phúc A (Nam), sinh ngày 08 tháng 02 năm 2021, hiện cháu A đang sống chung với anh C. Tuy nhiên, Sau khi chị và anh C sống ly thân thì chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Đến ngày 01/11/2021, anh C đến nhà cha mẹ ruột của chị để thăm bé A thì anh C yêu cầu được đưa cháu A về bên nội của cháu chơi, nhưng sau đó anh C không đồng ý giao trả cháu A cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị đã nhiều lần qua nhà anh C yêu cầu anh C giao cháu A lại cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng anh C không đồng ý. Trong thời gian gần đây, anh C cho chị chở cháu A về bên ngoại của cháu chơi được ngày thứ bảy và chủ nhật, sau đó thì anh C yêu cầu phải giao trả cháu A lại cho anh C.

Nay chị nhận thấy tình cảm giữa chị với anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu: Nguyễn Phúc A, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Vì hiện nay cháu A còn nhỏ, hơn nữa hàng ngày cháu A chủ yếu là do mẹ của anh C chăm sóc, còn anh C thì đi làm mà không có trực tiếp chăm sóc cháu A. Về cấp dưỡng nuôi cháu A thì chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2021 và biên bản lấy lời khai cùng ngày, bị đơn anh Nguyễn Tấn C trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lai Kiều A. Tuy nhiên, anh không đồng ý việc chị Kiều A xin ly hôn với anh, vì anh còn thương vợ và con, anh muốn vợ chồng hàn gắn để chăm sóc con chung. Anh ít có thời gian để chăm sóc vợ con với lý do là anh bận việc nuôi tôm sú để phục vụ kinh tế gia đình. Thời điểm từ tháng 9/2021, chị Kiều A về bên gia đình của chị tại khóm 1, phường 1, thị xã Vĩnh Châu sinh sống cho đến nay. Khi chị Kiều A về bên phường 1, thời điểm đó xã Vĩnh Tân có dịch bệnh và đến tháng 10/2021 thì tại phường 1 có dịch bệnh nên anh cũng không thể đến thăm vợ con được. Đến cuối tháng 10/2021, anh có đến nhà cha mẹ vợ để rước chị Kiều A và cháu A về Vĩnh Tân nhưng chị Kiều A không đồng ý. Sau đó, anh có rước cháu A về bên gia đình anh ở cho đến nay. Tuy nhiên, hàng tuần vào ngày thứ bảy và chủ nhật thì anh có cho chị

Kiều A chở bé An về bên ngoại của cháu chơi và sau đó chị Kiều A phải giao cháu A lại cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị Kiều A ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A đến khi cháu A đủ 18 tuổi mà anh không yêu cầu chị Kiều A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến tại phiên tòa:
Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn đều vắng mặt tại các lần mở phiên tòa xét xử. Cho nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lai Kiều A được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Phúc A, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2021, chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Tấn C giao cháu A cho chị Kiều A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiều A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn C, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Lai Kiều A đối với anh Nguyễn Tấn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị Kiều A và anh C không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi cưới nhau hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Kiều A với anh C phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị Kiều A vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với anh C. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Kiều A được ly hôn với anh C.

[5] Về con chung:

[5.1] Giữa chị Kiều A và anh C có 01 người con tên: Nguyễn Phúc A (Giới tính: Nam), sinh ngày 08/02/2021, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi cháu A được sinh ra thì chị Kiều A và cháu A cùng sinh sống với anh C tại bên gia đình cha mẹ của anh C tại ấp A, xã T. Tuy nhiên, chị Kiều A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Đến tháng 9/2021, chị Kiều A đã đưa cháu A về bên gia đình cha mẹ của chị tại phường M, thị xã C sinh sống và chị Kiều A vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A. Đến đầu tháng 11/2021, anh C đến rước cháu A về bên gia đình của anh (nội của cháu A) chơi nhưng không đồng ý giao cháu A lại cho chị Kiều A để chăm sóc, nuôi dưỡng, tại phiên hòa giải ngày 08/12/2021 anh C cũng thừa nhận việc này. Tại phiên tòa, chị Kiều A trình bày: Thời gian gần đây anh C có cho chị rước cháu A về bên gia đình của chị mỗi tuần 02 ngày vào thứ bảy và chủ nhật và sau đó phải giao cháu A lại cho anh C ngay.

[5.2] Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2021, bà Lý Thị H - mẹ của anh Nguyễn Tấn C trình bày: “...Sau khi chị Kiều A sinh cháu Nguyễn Phúc A, hàng ngày bà cũng tiếp chăm sóc cháu A. Đến khoảng giữa tháng 7/2021, thì Kiều A đưa cháu A về nhà cha mẹ ruột của Kiều A chơi tại phường 1, thị xã C. Tuy nhiên, thời điểm đó phát sinh dịch bệnh và đến cuối tháng 10/2021 thì Nguyễn Tấn C có đến rước mẹ con cháu A nhưng Kiều A không về nên Cần rước cháu A về bên nội của cháu.... Đối với bé A hàng ngày bà tiếp chăm sóc Cháu A cho Nguyễn Tấn C. Còn Cần thì đi làm và có khi ngày về ngày không”....

[5.3] Tại phiên tòa, chị Kiều A vẫn yêu cầu anh C giao cháu A lại cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Tính đến thời điểm hiện nay cháu A chưa tròn 13 tháng tuổi. Mặt khác, xét về điều kiện kinh tế: Theo như lời trình bày của chị Kiều A là hiện nay chị làm công cho một cửa hàng bán thẻ sim điện thoại và có thu nhập ổn định mỗi tháng trên 6.000.000 đồng và đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu A.

[6] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục [5.1], [5.2] và [5.3], Hội đồng xét xử thấy rằng: Cần buộc anh Nguyễn Tấn C giao cháu Nguyễn Phúc A (Giới tính: Nam), sinh ngày 08/02/2021 cho chị Lai Kiều A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh C, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiều A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Chị Lai Kiều A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 và khoản 3 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chị Lai Kiều A được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C.

2/ Về con chung: Buộc anh Nguyễn Tấn C phải giao người con chung giữa anh và chị Kiều A tên: Nguyễn Phúc A (Giới tính: Nam), sinh ngày 08/02/2021 cho chị Lai Kiều A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, giáo dục con cho anh C,

không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiều A không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu A nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí: Chị Lai Kiều A phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Kiều A được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002172, ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C. Như vậy, chị Kiều A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Tân C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua